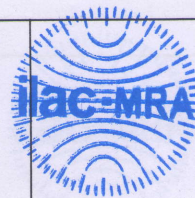




CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



Số: 47/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

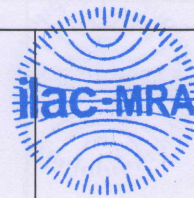
STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	206M ₁ 01/15	Nhà máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	21/12/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	207M ₁ 01/15	Cục Thống kê Tỉnh			21/12/2015 8g30-8g45	
3	207M ₂ 01/15	110 Nguyễn Huệ		Nguyễn Thị Cầm Tú	21/12/2015 9g00-9g15	Nguyễn Thị Cầm Tú
4	207M ₃ 01/15	Khu tái định cư Ninh tĩnh			21/12/2015 9g30-9g45	
5	208B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			21/12/2015 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				206M ₁ 01/15	207M ₁ 01/15	207M ₂ 01/15	207M ₃ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.92	6.80	6.81	6.83
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.56	0.47	0.41	0.39
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18.86	18.52	18.52	19.20
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	52.07	52.58	52.07	51.55
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	2.30	4.70	5.40	5.20
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	2.10	2.10	3.20	0.90
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.50	8.90	9.40	9.30
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	KPH	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.45	0.32	0.39	0.32
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				208B01/15			
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.77			
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.35			
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH			
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18.52			
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	51.04			
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH			
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	3.40			
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không			
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	2.10			
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.70			
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.02			
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39			
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH			
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.44			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH: không phát hiện.

- KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa nghiệm

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

T.P. TUY HÒA - T.P. PHÚ YÊN

Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân

Nguyễn Tấn Thuận